TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số D, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông C do quen biết, tự tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được hai con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Lê Quốc T, sinh ngày 17/10/2015. Hiện tại, các cháu đang sống cùng với ông C.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, vấn đề tiền bạc trong gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông C; đồng ý để ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, bà L không cấp dưỡng nuôi dạy các con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Văn C; ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Lê Quốc T, sinh ngày 17/10/2015, bà L không phải cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C, ông C cư trú trên địa bàn huyện C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L khai, bà L và ông C do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vả nhau, vấn đề tài chính trong gia đình và không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà L và ông C bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, vấn đề tài chính trong gia đình và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông C là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không C được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh hai con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Lê Quốc T, sinh ngày 17/10/2015. Bà L đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, các cháu Đ và cháu T hiện do ông C chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được tạo điều kiện học tập. Cả hai cháu hiện đã trên 07 tuổi nhưng Tòa án không ghi nhận được ý kiến, bà L vẫn đồng ý để hai con chung cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, ông C vẫn không có ý kiến phản đối việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của các con chung, giúp con chung có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử giao các cháu cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông C không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Ông Lê Văn C được tiếp tục hai nuôi dưỡng con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Lê Quốc T, sinh ngày 17/10/2015. Bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

Ông Lê Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024356 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 3 năm 2025; bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Tấn Mỹ (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm